TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2022
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Sỹ Hiền;

Bà Trần Thị Kia.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Chung, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 400/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà 67 PT, Tổ S, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị L có mặt.

- Bị đơn: Anh Lâm Hoàng H, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú trước đây và được ghi trong đơn khởi kiện: Tổ MB, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ nơi tạm trú trước đây: Số nhà 19, Ngõ 293, Tổ T, phường NT, Quận LB, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ nơi tạm trú hiện nay: Số nhà 08, Ngõ 52/11/18, phố GQ, phường TT, Quận LB, Thành phố Hà Nội. Anh H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiên và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai tại Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 29/5/2018. Sau khi kết hôn sống chung tại gia đình chị L tại Phường AP, thị xã A, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên anh H bỏ đi làm việc và sinh sống nhiều nơi nhưng không cố định. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do hợp nhau nên vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay không còn tình cảm vợ chồng nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung, chị L và anh H có 01 con chung tên là Lâm Nhật D, sinh ngày 16/01/2020, hiện nay chị L đang nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Tại phiên tòa chị L trình bày đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Lâm Hoàng H trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2022 tại Tòa án nhân dân Quận LB, thành phố Hà Nội, thể hiện nội dung như sau: Anh H và chị L có thời gian tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 29/5/2018. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không được hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa. Anh H đồng ý thuận tình ly hôn với chị L. Về con chung, anh H trình bày có 01 con chung tên Lâm Nhật D, sinh ngày 16/01/2020 hiện nay chị L đang nuôi dưỡng. Anh H đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chứ không ý kiến gì. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L. Về hôn nhân cho chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Lâm Hoàng H. Về con chung giao con chung là cháu Lâm Nhật D, sinh ngày 16/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Hồng L nuôi dưỡng. Về án phí, chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Lâm Hoàng H, có địa chỉ cư trú trước đây cùng với địa chỉ của nguyên đơn tại, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trước đây, TAND thị xã A đã thụ lý vụ án số 58/2021 ngày 01/4/2021 và bị đơn anh Lâm Hoàng H không còn chung sống với chị L mà đi làm việc nhiều nơi và có địa chỉ tại Số nhà 19 Ngõ 293, Tổ 08, phường NT, Quận LB, Thành phố Hà Nội. Ngày 28/12/2021 TAND thị xã A, tỉnh Gia Lai đã chuyển vụ án đến TAND Quận LB, Thành phố Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền bằng Quyết định chuyển vụ án số 04/2021/QĐ-CVA ngày 28/12/2021. Quá trình làm việc tại Hà Nội anh H di chuyển nơi ở và có nhiều địa chỉ khác nhau không có nơi cư trú ổn định. Ngày 25/02/2022 anh H và chị L có đơn nộp tại TAND Quận LB Thành phố Hà Nội đồng ý thuận tình ly hôn và yêu cầu TAND thị xã A thụ lý, giải quyết vụ án. Ngày 06/5/2022 TAND quận LB, Thành phố Hà Nội đã chuyển hồ

sơ vụ án nói trên về lại TAND thị xã A để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 20/5/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L đã có đơn yêu cầu TAND thị xã A, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết lại vụ án nói trên theo thỏa thuận của các đương sự nên ngày 20/5/2022 TAND thị xã A đã thụ lý lại vụ án nói trên theo số thụ lý 75/2022/TLST-HNGĐ. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án TAND thị xã A, tỉnh Gia Lai đã ủy thác đến TAND quận LB Thành phố Hà Nội để làm việc với bị đơn anh Lâm Hoàng H và anh H đã có ý kiến bằng Văn bản tại TAND Quận LB, Thành phố Hà Nội, đồng ý TAND thị xã A, tỉnh Gia Lai, thụ lý, giải quyết vụ án nói trên. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì TAND thị xã A là nơi nguyên đơn cư trú, thụ lý, giải quyết vụ án nói trên theo thỏa thuận của các đượng sự là đúng quy định.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lâm Hoàng H đã đến TAND Quận LB, Thành phố Hà Nội làm việc và trình bày không có thời gian nên anh H có ý kiến yêu cầu TAND thị xã A giải quyết vụ án vắng mặt. Vì thế, Tòa án tiến hành xét xử vụ án nói trên theo quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Lâm Hoàng H tự nguyện kết hôn tại UBND phường An Phú, thị xã A vào ngày 29/5/2018 theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh H chung sống với nhau tại gia đình chị L, hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án TAND thị xã A đã ủy thác cho TAND Quận LB, Thành phố Hà Nội thu thập chứng cứ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2022 TAND Quận LB, Thành phố Hà Nội thì anh H khai đồng ý thuận tình ly hôn với chị L nhưng do công việc làm ăn không có thời gian đến Tòa án được và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh H. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Lâm Hoàng H.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Lâm Hoàng H có 01 con chung là Lâm Nhật D, sinh ngày 16/01/2020, hiện đang được chị L nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2022 TAND Quận LB, Thành phố Hà Nội thì anh H khai đồng ý để chị L nuôi con. Tại phiên tòa chị L cũng yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho chị Nguyễn Thị Hồng L tiếp tục nuôi con là cháu D là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L trình bày đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Lâm Hoàng H.

- Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng L, nuôi con chung là cháu Lâm Nhật D, sinh ngày 16/01/2020 cho đến khi cháu D thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Chị Nguyễn Thị Hồng L không yêu cầu anh Lâm Hoàng H cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011502 ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/12/2022) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- UBND phường AP, TX. A (Để ghi vào sổ hộ tịch; Kết hôn số 54, ngày 29/5/2018);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trung Toàn